

Số: 735 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 26 tháng 7 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 27/2022/QĐ-UBND ngày 16/8/2022 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc quy định một số nội dung thực hiện đánh giá tác động môi trường, giấy phép môi trường và phương án cải tạo, phục hồi môi trường trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 361/TTr-STNMT ngày 24/7/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH In ấn đầu tư và phát triển Á Châu, địa chỉ trụ sở chính tại số 7, phố Phan Đình Phùng, thị trấn Phùng, huyện Đan Phượng, thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp thuộc Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên” tại lô đất thương mại dịch vụ (TMDV) thuộc Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp thuộc Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên.

1.2. Chủ dự án: Công ty TNHH In ấn đầu tư và phát triển Á Châu.

1.3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô đất thương mại dịch vụ (TMDV) thuộc Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang).

1.4. Giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đầu tư:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, mã số doanh nghiệp 0106564292, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp đăng ký lần đầu ngày 09/6/2014, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 18/01/2022.

Quyết định số 456/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND huyện Việt Yên (nay là UBND thị xã Việt Yên) về việc công nhận kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng lô đất Thương mại dịch vụ (ký hiệu TMDV) thuộc Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang (Phiên đấu giá ngày 19/3/2022).

1.5. Mã số thuế: 0106564292.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: kinh doanh trung tâm thương mại, dịch vụ, khách sạn.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô đất thương mại dịch vụ (TMDV) thuộc Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên), tỉnh Bắc Giang, với diện tích sử dụng đất là 7.104 m².

- Quy mô của dự án đầu tư:

+ Dự án có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường¹.

+ Dự án có tiêu chí về môi trường như dự án đầu tư nhóm II theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP)².

- Mục tiêu của dự án đầu tư:

+ Kinh doanh thương mại dịch vụ theo mô hình trung tâm thương mại, siêu thị có quy mô lớn để phục vụ nhu cầu mua sắm của người dân trên địa bàn;

+ Kinh doanh dịch vụ ăn uống theo mô hình nhà hàng ở nhiều cấp độ khác nhau như: Nhà hàng cao cấp, Lẩu tự chọn, Buffet...;

+ Kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí trong nhà: Đầu tư khu vui chơi giải trí đẳng cấp với nhiều bộ môn khác nhau như: Tập Yoga, Gym, bơi, vui chơi giải trí cho trẻ em, người lớn đáp ứng đủ nhu cầu về rèn luyện sức khỏe, tập thể dục và vui chơi giải trí cho mọi người.

+ Dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm tài chính, ngân hàng: Đầu tư cơ sở vật chất để thu hút các tập đoàn tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê làm văn phòng, làm trung tâm giao dịch với khách hàng;

¹ theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

² quy định tại STT2, mục I, Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

+ Dịch vụ lưu trú: Khách sạn đạt tiêu chuẩn 3 sao.

- Công suất của dự án đầu tư: Xây dựng Trung tâm thương mại dịch vụ, mua sắm, khách sạn đa chức năng cao 9 tầng và 01 tum, với 3 tầng thương mại dịch vụ (tầng 1-3) và 6 tầng khách sạn (tầng 4-9). Cụ thể:

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 24.798,86 m²

+ Diện tích cảnh quan, cây xanh: 1.168,13 m²;

+ Diện tích giao thông, bãi đỗ xe: 2.432 m².

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH In ấn đầu tư và phát triển Á Châu được cấp Giấy phép môi trường

1. Công ty TNHH In ấn đầu tư và phát triển Á Châu có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Công ty TNHH In ấn đầu tư và phát triển Á Châu có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kiểm tra, xem xét giải quyết theo quy định.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND thị xã Việt Yên, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án “Trung tâm thương mại dịch vụ hỗn hợp thuộc Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên” tại lô đất thương mại dịch vụ thuộc Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang) do Công ty TNHH In ấn đầu tư và phát triển Á Châu làm chủ dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 525/QĐ-TNMT ngày 08/7/2024 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường và kết quả thẩm định hồ sơ, trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung nêu trên đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng, Sở Khoa học và Công nghệ; UBND thị xã Việt Yên; UBND phường Nénh; Công ty TNHH In ấn đầu tư và phát triển Á Châu và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH In ấn đầu tư và phát triển Á Châu (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh:
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, MT.Toàn

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Dự án không thuộc trường hợp phải cấp phép xả nước thải theo quy định tại khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, với lý do:

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 210 m³/ngày đêm đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B, được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên (nay là phường Nénh, thị xã Việt Yên) tại hố ga G22 phía Nam ngoài tường rào dự án (*vị trí hố ga G22.H2 cách hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt của dự án khoảng 5 mét về phía Nam theo Công văn số 2472/UBND-QLĐT ngày 27/6/2024 của UBND thị xã Việt Yên*). Nước thải sau đó được đưa về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị mới phường Nénh, thị xã Việt Yên (công suất 1.200 m³/ngày đêm) để tiếp tục xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột A, trước khi xả thải ra ngoài môi trường. Dự án không xả nước thải trực tiếp ra môi trường.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ các xí, tiểu của dự án sau khi được xử lý sơ bộ qua 03 bể tự hoại 3 ngăn, tổng thể tích 113m³, được đầu nối với hệ thống đường ống thu gom nước thải ngoài nhà HDPE D200 cùng các nguồn thải khác dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 210 m³/ngày đêm của dự án qua 01 điểm đầu nối.

- Nước thải từ khu vực các bếp ăn của dự án sau khi xử lý sơ bộ qua 02 bể tách dầu mỡ, tổng thể tích 51m³, được dẫn ra hệ thống đường ống thu gom nước thải ngoài nhà HDPE D200 cùng các nguồn thải khác dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 210 m³/ngày đêm của dự án.

- Nước thải từ các lavabo, phễu thu sàn trong các khu vệ sinh, khu giặt của dự án được dẫn ra hệ thống đường ống thu gom nước thải ngoài nhà HDPE D200 cùng các nguồn thải khác dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 210 m³/ngày đêm của dự án.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sinh hoạt → Bể gom → Bể tách mỡ → Bể điều hoà → Bể thiếu khí → Bể hiếu khí → Bể

lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B được đầu nối với hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị mới thị trấn Nénh, huyện Việt Yên.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ xử lý sinh học AO+MBBR.
- Công suất thiết kế của hệ thống xử lý nước thải: 210 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải: Chlorine khử trùng: 0,63 kg/ngày; Mật rỉ đường: 10-15kg/ngày; NaOH điều chỉnh pH: 8-12 kg/ngày; men vi sinh: 10-15 kg/tháng; Than hoạt tính xử lý mùi: 75 kg, định kỳ thay thế 06 tháng/lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

1.4.1. Phương án phòng ngừa sự cố

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất. Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, tư vấn thiết kế; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Thường xuyên bảo dưỡng, sửa chữa, thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

- Quan trắc, giám sát định kỳ nước thải để kịp thời có giải pháp điều chỉnh vận hành đảm bảo chất lượng nước xử lý đạt quy chuẩn; thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh; bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh, hoá chất khử trùng.

- Trường hợp xảy ra sự cố, báo cáo với đơn vị được giao quản lý hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị mới phường Nénh, thị xã Việt Yên; UBND phường Nénh, UBND thị xã Việt Yên xem xét tiếp nhận xử lý nước thải cho dự án.

1.4.2. Phương án ứng phó sự cố

* Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất xử lý của hệ thống xử lý nước thải hay sự cố kỹ thuật khác:

- Dừng hoạt động hệ thống xử lý để sửa chữa, đề ra phương án khắc phục, đồng thời thông báo cho cơ quan chức năng để kiểm tra, kịp thời xử lý.

- Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc của hệ thống xử lý nước thải và phải dừng hoạt động của hệ thống này để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày, khi đó chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

* Khi gặp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn cho phép: Nước thải qua hệ thống xử lý có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt quy chuẩn cho phép (QCCP). Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh cụ thể:

+ Nếu pH quá thấp hoặc quá cao ngoài giới hạn QCCP thì tiến hành lấy mẫu tại bể xả thải, kiểm tra lại, điều chỉnh định mức hóa chất sử dụng cho đến khi kiểm tra mẫu đạt.

+ Nếu thông số chất rắn lơ lửng vượt quy chuẩn cho phép, kiểm tra và điều chỉnh lại định mức hóa chất tại bể điều hòa và hiệu quả lắng của bể lắng. Tương tự đối với từng thông số sẽ đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau.

Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, chủ dự án cần liên hệ với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống để xử lý theo quy định. Đồng thời thông báo với đơn vị được giao quản lý hệ thống thu gom nước thải chung của Khu đô thị mới phường Nénh, thị xã Việt Yên để xử lý và có phương án tiếp nhận xử lý.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 15/01/2026 đến ngày 15/3/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm: 01 hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 210 m³/ngày đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: Tại 01 vị trí nước thải đầu vào tại bể thu gom và 01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 210 m³/ngày đêm.

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5 - 9	Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc nước thải định kỳ theo khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
2	BOD ₅ (20 °C)	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10	
6	Nitrat (NO ₃ ⁻)(tính theo N)	mg/l	50	
7	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
8	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
9	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
10	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000	

2.2.3. Tần suất lấy mẫu:

TT	Vị trí giám sát	Tần suất lấy mẫu	Thông số giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	01 vị trí nước thải đầu vào tại bể thu gom	Lấy 01 mẫu đơn 01 lần/ngày. Thời gian dự kiến: Ngày 18/02/2026	pH, BOD ₅ (20 ⁰ C); Amoni, Nitrat, Sunfua, Tổng chất rắn lơ lửng, Phosphat, Dầu, mỡ động thực vật, Tổng các chất hoạt động bề mặt, Tổng Coliforms	QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B
2	01 vị trí nước thải đầu ra sau hệ thống xử lý nước thải	Lấy mẫu đơn với tần suất 01 ngày/lần, trong vòng 03 ngày liên tiếp. Thời gian dự kiến như sau: Lần 1: Ngày 18/02/2026 Lần 2: Ngày 19/02/2026 Lần 3: Ngày 20/02/2026		

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm trước khi đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị mới phường Nénh, thị xã Việt Yên. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ
MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

1. Nguồn phát sinh khí thải: 02 nguồn

- Nguồn số 01: Khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 2.
- Nguồn số 02: Khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 3.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Dòng khí thải phát sinh tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải, mùi từ bếp ăn tầng 2.
- Dòng khí thải số 02: Dòng khí thải phát sinh tại ống thoát khí thải sau hệ thống xử lý khí thải, mùi từ bếp ăn tầng 3.

2.1. Vị trí xả khí thải: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 107^0 , múi chiếu 3^0):

- Vị trí số 01: Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 2. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2349759; Y=407852;
- Vị trí số 02 : Tại ống thoát khí thải sau xử lý của hệ thống xử lý khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 3. Tọa độ vị trí xả khí thải: X=2349767; Y= 407807.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất: 9.100 m³/giờ, tương đương 145.600 m³/ngày.

- Vị trí số 01: 1.100 m³/giờ, tương đương 17.600 m³/ngày.
- Vị trí số 02: 8.000 m³/giờ, tương đương 128.000 m³/ngày.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Xả khí thải liên tục trong thời gian làm việc của dự án (thời gian làm việc: tối đa 16 giờ/ngày).

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường không khí phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (QCVN 19:2009/BTNMT, cột B); cụ thể như sau:

TT	Chất ô nhiễm	Đơn vị tính	Giá trị giới hạn cho phép (QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B; $K_p=1, K_v=0,8$)	Tần suất quan trắc định kỳ	
I <i>Khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 2</i>					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160	Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc bụi, khí thải định kỳ theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	800		
3	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	6		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	400		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680		
II <i>Khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 3</i>					
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	160		
2	Cacbon oxit, CO	mg/Nm ³	800		
3	Hydro sunphua, H ₂ S	mg/Nm ³	6		
4	Lưu huỳnh đioxit, SO ₂	mg/Nm ³	400		
5	Nitơ oxit, NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	680		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

* Đối với bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 01: Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực chế biến tại bếp ăn tầng 2 được thu gom bằng 01 chụp hút bằng inox 034 hoặc tôn mạ kẽm có kích thước dài x rộng x cao = 2m x 0,9 m x 0,4 m, sau đó xử lý bằng tấm lọc than hoạt tính dày khoảng 5mm. Dưới tác dụng của quạt hút công suất 1.100 m³/giờ, khí thải, mùi theo đường ống dẫn khí D110 bằng inox 034 hoặc tôn mạ kẽm với chiều dài khoảng 4m thoát ra ngoài môi trường tiếp nhận qua ống thoát khí D150, dài khoảng 1,5m.

* Đối với bụi, khí thải phát sinh từ nguồn số 02: Khí thải, mùi phát sinh từ khu vực chế biến tại bếp ăn tầng 3 được thu gom bằng 02 chụp hút bằng inox 034 hoặc tôn mạ kẽm có kích thước dài x rộng x cao = 4m x 0,9 m x 0,5 m sau đó xử lý bằng tấm lọc than hoạt tính dày khoảng 5 mm. Dưới tác dụng của quạt hút công suất 8.000 m³/giờ, khí thải, mùi theo đường ống dẫn khí D150 bằng

inox 034 hoặc tôn mạ kẽm với chiều dài khoảng 20 m thoát ra ngoài môi trường tiếp nhận qua ống thoát khí D200, dài khoảng 2,0 m.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

* Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 01:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, mùi → 01 Chụp hút → 01 Tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút công suất 1.100 m³/giờ → Ống dẫn khí → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường).

- Công suất thiết kế: 1.100 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: than hoạt tính khoảng 0,63kg, định kỳ thay thế 06 tháng/lần.

* Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ nguồn số 02:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải, mùi → 02 Chụp hút → 02 Tấm lọc than hoạt tính → Quạt hút công suất 8.000 m³/giờ → Ống dẫn khí → Ống thoát khí thải (khí thải sau xử lý đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi thoát ra môi trường).

- Công suất thiết kế: 8.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Than hoạt tính khoảng 2,52 kg, định kỳ thay thế 06 tháng/lần.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố môi trường

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình kỹ thuật và hướng dẫn vận hành của đơn vị thiết kế.

- Có nhật ký ghi chép quá trình theo dõi, giám sát vận hành, các sự cố xảy ra, biện pháp khắc phục và trình báo với cơ quan quản lý môi trường có thẩm quyền tại địa phương.

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng đường ống dẫn khí, quạt hút,... trong hệ thống xử lý khí thải, phát hiện sớm những nguyên nhân có thể dẫn đến sự cố để khắc phục kịp thời.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các đường ống thu gom, các thiết bị xử lý, kịp thời sửa chữa và thay thế khi phát hiện các dấu hiệu hỏng hóc, với tần suất 06 tháng/lần.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố môi trường

- Khi phát hiện ra sự cố, lập tức báo cho nhân viên phụ trách an toàn, đồng thời dừng hoạt động và thông báo cho cơ quan chức năng để kịp thời xử lý, sau đó tiến hành sửa chữa, khắc phục.

- Dừng mọi hoạt động kinh doanh cho đến khi sự cố được khắc phục.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: Dự kiến từ ngày 15/01/2026 đến tháng 15/3/2026.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm: 02 hệ thống xử lý khí thải, cụ thể:

- 01 hệ thống xử lý khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 2.

- 01 hệ thống xử lý khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 3.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu: 02 vị trí tại ống thoát khí sau xử lý của 02 hệ thống xử lý khí thải nêu trên.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm (theo nội dung được cấp phép tại Phần A Phụ lục này).

2.3. Tần suất lấy mẫu:

STT	Vị trí lấy mẫu	Thông số giám sát	Tần suất, thời gian lấy mẫu	Quy chuẩn so sánh
1	Tại ống dẫn khí sau hệ thống xử lý khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 2	Bụi tổng; CO; H ₂ S; SO ₂ ; NO _x (tính theo NO ₂)	Mỗi ngày lấy 01 mẫu trong 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn: Lần 1: Ngày 18/02/2026 Lần 2: Ngày 19/02/2026 Lần 3: Ngày 20/02/2026	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B
2	Tại ống dẫn khí sau hệ thống xử lý khí thải, mùi phát sinh từ bếp ăn tầng 3		Mỗi ngày lấy 01 mẫu trong 03 ngày liên tiếp, mẫu đơn: Lần 1: Ngày 18/02/2026 Lần 2: Ngày 19/02/2026 Lần 3: Ngày 20/02/2026	

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, chủ dự án phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường để kiểm tra, xem xét giải quyết.

- Thường xuyên vận hành hệ thống xử lý khí thải theo đúng quy trình, thiết kế, đảm bảo xử lý khí thải đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với các hệ thống xử lý khí thải, chủ dự án phải báo cáo bằng văn bản với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên để kịp thời xử lý.

Phụ lục 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 nguồn

- Nguồn số 1: Khu vực đặt máy phát điện dự phòng.
- Nguồn số 2: Khu vực đặt máy thổi khí cho hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: 02 vị trí (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiều 3°)

- Vị trí số 1: Từ khu vực đặt máy phát điện dự phòng. Tọa độ vị trí phát sinh: X=2349796; Y=407813;
- Vị trí số 2: Từ khu vực đặt máy thổi khí cho hệ thống xử lý nước thải. Tọa độ vị trí phát sinh: X= 2349742; Y= 407783.

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	Không thực hiện	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 - 21 giờ	Từ 21 - 6 giờ		
1	70	60	Không thực hiện	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra bảo dưỡng định kỳ các thiết bị gây ồn, bôi trơn các bộ phận chuyển động để giảm độ giảm ma sát nhằm giảm tiếng ồn sinh ra.

- Các máy móc, thiết bị thường xuyên được bảo dưỡng, thay thế nếu phát hiện hỏng hóc.

- Nhân viên được trang bị đầy đủ các phương tiện chống ồn (như: nút bịt tai, mũ, quần áo bảo hộ), đặc biệt tại các vị trí làm việc có mức độ ồn cao.

- Có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương pháp bảo hộ lao động thường xuyên của nhân viên, tránh hiện tượng có phương tiện bảo hộ mà không sử dụng.

- Bố trí hợp lý nhân lực làm việc trong các khu vực ô nhiễm ồn, rung nhằm đảm bảo sức khỏe lâu dài cho các nhân viên vận hành. Có chế độ cho những vị trí việc làm chịu ảnh hưởng lớn của hoạt động sản xuất theo đúng quy định của pháp luật hiện hành; tổ chức khám chữa bệnh định kỳ cho nhân viên.

- Đảm bảo tỷ lệ cây xanh để hạn chế tiếng ồn phát tán, đồng thời tạo cảnh quan môi trường.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này và các quy chuẩn Việt Nam hiện hành.

Phụ lục 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên khoảng 146,3 kg/năm, bao gồm:

STT	Các chất thải	Mã CTNH	Số lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	10
2	Pin thải, ắc quy thải	16 01 12	20
3	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện có các linh kiện điện tử (bao gồm cả bóng tuyp led thải bỏ)	16 01 13	50
4	Than hoạt tính thải bỏ (từ quá trình xử lý khí thải nhà bếp)	12 01 04	6,3
5	Bao bì mềm thải	18 01 01	10
6	Bao bì nhựa cứng thải	18 01 03	50
Tổng cộng			146,3

1.2. Khối lượng chất thải rắn thông thường:

Do đặc thù của loại hình dịch vụ thương mại không có hoạt động sản xuất nên chất thải phát sinh khoảng 10 kg/ngày, tương đương 3,65 tấn/năm, từ các gian hàng, văn phòng cho thuê, với thành phần chủ yếu là bao bì nilon, carton, dây buộc, giấy... có tính chất như chất thải rắn sinh hoạt. Ngoài ra, còn có bùn thải phát sinh từ bể tự hoại khoảng 98,64 tấn/năm; bùn thải phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 33,6 kg/ngày, tương đương 12,264 tấn/năm; Than hoạt tính thải bỏ từ tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải phát sinh khoảng 150 kg/năm.

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt: Chất thải sinh hoạt phát sinh khoảng 1.479,6 kg/ngày tương đương 540,054 tấn/năm. Thành phần chất thải sinh hoạt chủ yếu là thực phẩm thừa, bao bì, hộp đựng thức ăn, đồ uống bằng nilon, nhựa, thủy tinh, giấy.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 05 thùng chứa, dung tích 120 lít/thùng. Tất cả các thùng chứa được dán tên, mã số chất thải nguy hại, dấu hiệu cảnh báo chất thải nguy hại bên ngoài thùng chứa theo quy định.

2.1.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho chứa chất thải nguy hại: có diện tích 15,5 m², được bố trí tại khu vực kỹ thuật của dự án (phía Tây Bắc).

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải nguy hại: Tường xây gạch, nền đổ bê tông, có mái che, cửa khóa, bố trí biển cảnh báo.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải nguy hại mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 năm/lần hoặc khi kho chứa đầy, nhưng không quá 01 năm).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Các gian hàng, văn phòng cho thuê tự bố trí thiết bị lưu chứa, thu gom, sau đó mang đến các thùng chứa rác thải ở khu công cộng, hành lang của dự án để bỏ thải cùng chất thải rắn sinh hoạt.

- Đối với than hoạt tính thải bỏ từ tháp xử lý mùi của hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt sau khi phát sinh được thu gom, lưu chứa trong bao bì kín và lưu giữ trong kho rác thông thường.

- Đối với bùn thải được lưu giữ tại bể chứa, sau đó chủ dự án thuê đơn vị có chức năng hút cặn, bùn thải mang đi xử lý khi bể chứa đầy.

2.2.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho chứa chất thải rắn thông thường: Diện tích 21,3 m², được bố trí tại khu vực kỹ thuật.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa chất thải rắn thông thường: Tường xây gạch, nền đổ bê tông, có mái che, cửa khóa, bố trí biển cảnh báo.

- Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn thông thường cùng chất thải rắn sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 ngày/lần).

Đối với bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt tập trung, bể tự hoại, chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến hút cặn, vận chuyển mang đi xử lý theo quy định (định kỳ 01 năm/lần).

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

+ Bố trí mỗi phòng nghỉ 01 thùng rác bằng nhựa có nắp đậy, dung tích khoảng 12 lít/thùng để lưu chứa.

+ Tại hành lang mỗi tầng (tầng 1-9), khu vực sảnh thang máy: Bố trí 02 thùng rác bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng để lưu chứa.

+ Khu nhà bếp (tầng 2-3): Bố trí mỗi bếp ăn 03 thùng rác bằng nhựa có nắp đậy, dung tích 60 lít/thùng để lưu chứa.

+ Đối với trung tâm thương mại (tầng 1-3): Tại các hành lang bố trí các thùng chứa rác dung tích 60 lít/thùng để lưu chứa.

2.3.2. Kho/khu vực lưu chứa

- Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt: Sử dụng kho chứa chất thải rắn thông thường có diện tích 21,3 m² để lưu chứa.

- Thiết kế, cấu tạo của kho chứa: Tường xây gạch, nền đổ bê tông, có mái che, cửa khóa, bố trí biển cảnh báo.

- Chủ dự án ký hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt mang đi xử lý theo quy định (tần suất 01 ngày/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải và các hệ thống xử lý khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 5
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /7/2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Công ty TNHH In ấn đầu tư và phát triển Á Châu có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường; tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy, chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình vận hành dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực dự án.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 210 m³/ngày đêm để xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi đầu nối với hệ thống thu gom, trạm xử lý nước thải tập trung của Khu đô thị mới thị trấn Nênh, huyện Việt Yên; đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Vận hành hệ thống xử lý khí thải để thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh từ dự án đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT, cột B trước khi xả thải ra môi trường.

- Thông báo kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình, hạng mục công trình xử lý chất thải của dự án với UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Việt Yên trước ít nhất 10 ngày, kể từ ngày vận hành thử nghiệm để theo dõi, giám sát và thực hiện vận hành thử nghiệm các công trình xử lý chất thải theo quy định.

- Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Thực hiện phân định, phân loại các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

- Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất (trong đó cập nhật các thay đổi thông tin về phát sinh chất thải tại Phụ lục 4 kèm theo Giấy phép này, do các thay đổi này không thuộc đối tượng phải điều chỉnh Giấy phép môi trường); công khai giấy phép môi trường, thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 361/TTr-STNMT ngày 24/7/2024 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường dự án./.